

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày 23 – 4 – 2025.
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phước
2. Ông Mai Quốc Bảo

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 422/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: [Ngân hàng Thương mại Cổ phần S](#)

Địa chỉ: [Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh](#). Người đại diện theo pháp luật: Bà [Nguyễn Đức Thạch D](#), chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Thái T](#), Trưởng [Phòng G](#). Người được ủy quyền: Ông [Trần Văn Đ](#) – Chuyên viên khách hàng cá nhân, Bạc Liêu. Địa chỉ: [Số H V, ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu](#). Số điện thoại: 0291.3581.584, số fax và địa chỉ thư điện tử: không thể hiện (*Có đơn xin vắng mặt*).

Bị đơn: Anh [Thái Út V](#), sinh năm 1988 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: [Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn [Ngân hàng Thương mại Cổ phần S](#), ông [Trần Văn Đ](#) là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 29/3/2021, anh [Thái Út V](#) có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với [Ngân hàng Thương mại Cổ phần S](#) – [Chi nhánh B](#) – [Phòng G](#). Căn cứ thu nhập của ông [Thái Út V](#), ngày 29/3/2021 Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh [Thái Út V](#) đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.100.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 05/11/2024, anh [Thái Út V](#) đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.915.148 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh [Thái Út V](#) vẫn không trả nợ. Do anh [Thái Út V](#) vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của [Ngân hàng Thương mại Cổ phần S](#)) nên ngày 20/10/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 23/4/2025, anh [Thái Út V](#) còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 18.100.000 đồng, lãi quá hạn: 7.214.324 đồng, tổng cộng 25.314.324 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu anh [Thái Út V](#) phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 23/4/2025 là 25.314.324 đồng, trong đó nợ gốc 18.100.000 đồng, lãi quá hạn 7.214.324 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn anh [Thái Út V](#) đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của [Ngân hàng Thương mại Cổ phần S](#) đối với anh [Thái Út V](#), buộc anh [Thái Út V](#) phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 23/4/2025 là 25.314.324 đồng, trong đó vốn gốc là 18.100.000 đồng, nợ lãi 7.241.324 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/4/2025 cho đến khi tất toán khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký. Về án phí: Anh [V](#) phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 29/11/2024 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu anh T1 Út Vàng thanh toán tiền nợ vay cho Ngân hàng. Khi khởi kiện anh T1 Út Vàng có địa chỉ tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Thái Út V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và anh T1 Út Vàng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2024, Ngân hàng yêu cầu anh T1 Út Vàng thanh toán tiền vay tính đến hết ngày 05/11/2024 là 20.528.618 đồng (trong đó nợ gốc 18.100.000 đồng, nợ lãi 2.428.618 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/11/2024 cho đến khi tất toán các khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

[3.2] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, tại Điều 18 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ quy định: Chủ thẻ đồng ý đã nhận được thẻ khi thẻ đã có phát sinh giao dịch. Chủ thẻ thanh toán tất cả dư nợ cho đến khi thanh toán đầy đủ trong tất cả các trường hợp, bao gồm cả trường hợp gia hạn thẻ, thay thế thẻ, chấm dứt sử dụng thẻ,...cho S1 mà không cần có bằng chứng, hóa đơn được ký hay chứng từ khác; tại Điều 19 quy định về thời hạn thanh toán: Chủ thẻ phải thanh toán cho S1 số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo; tại Điều 20 quy định về số tiền thanh toán: Số tiền tối thiểu là tổng, tùy theo số nào lớn hơn giữa số tiền đến hạn, không kể bất kỳ số tiền vượt quá hạn mức nào, nhân với một tỷ lệ phần trăm được xác định trước và số tiền tối thiểu được áp dụng cho chủ thẻ do S1 quy định, bất kỳ số tiền vượt quá hạn mức nào không kể bất kỳ số tiền vượt hạn mức nào đã bao gồm trong số tiền tối thiểu từ thông báo kỳ trước và bất kỳ khoản chưa thanh toán nào của số tiền tối thiểu từ thông báo kỳ trước; tại Điều 21 quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán: Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự là các khoản phí, lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí, lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ, tại Điều 23 quy định về vi phạm: Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng, trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán.

Căn cứ Hợp đồng ngày 29/3/2021 anh [T1](#) Út Vàng với [Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh B – Phòng G](#), Ngân hàng đã đồng ý phê duyệt cấp thẻ cho anh [V](#) với hạn mức thẻ tín dụng 20.000.000 đồng, với mức lãi suất 2.6%/tháng. Số tiền giao dịch mà anh [V](#) đã sử dụng thẻ để giao dịch rút tiền là 18.100.000 đồng (số tiền gốc) và tổng số tiền 25.915.148 đồng anh [V](#) đã thanh toán cho Ngân hàng trong thời gian sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ cho đến khi anh [V](#) thanh toán lần cuối ngày 10/10/2024. Khi thực hiện hợp đồng, anh [V](#) không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và yêu cầu anh [V](#) thanh toán các khoản nợ quá hạn. Tuy nhiên, anh [V](#) vẫn chưa thanh toán các khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng. Do anh [V](#) vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh [V](#) trả nợ gốc số tiền 18.100.000 đồng. Xét thấy, quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để thông báo cho anh [V](#) biết về việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh [V](#) trả khoản tiền nêu trên. Tuy nhiên, anh [V](#) không có ý kiến phản hồi việc Ngân hàng yêu cầu trả nợ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[4] Về nợ lãi quá hạn: Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng: Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định tại Điều 23 quy định về cách tính lãi: Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên Thẻ; lãi suất được tính như sau đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt thì lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút; việc thanh toán đối với các khoản dư nợ trên tài khoản được thực hiện theo thứ tự được quy định tại Điều 21, đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ; tại Điều 24 quy định về vi phạm: Khi sự kiện vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động, tạm ngưng hoặc chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ, áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của [S1](#). Đối chiếu Bảng tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch của anh [V](#), thể hiện anh [V](#) thanh toán cho Ngân hàng không đúng như thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng. Vì vậy, đến ngày 20/10/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với anh [V](#) và chuyển số nợ gốc 18.100.000 đồng sang nợ quá hạn. Do đó, việc Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với anh [V](#) do anh [V](#) đã không thanh toán và chuyển số nợ gốc 18.100.000 đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định pháp luật và những căn cứ đã diễn dẫn nêu trên, là có cơ sở chấp nhận. Áp

dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, số tiền lãi quá hạn của anh [V](#) phải thanh toán tính đến ngày 23/4/2025 là 7.241.324 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh [T1](#) Út Vàng trả số tiền tính đến ngày 23/4/2025 là 25.314.324 đồng, trong đó vốn gốc là 18.100.000 đồng, nợ lãi 7.241.324 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 24/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm dân sự anh [V](#) phải chịu 5% của số tiền 25.314.324 đồng do được Tòa án chấp nhận là 1.266.000 đồng.

[Ngân hàng Thương mại Cổ phần S](#) đã nộp số tiền 520.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003078 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được hoàn lại.

[6] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng Thương mại Cổ phần S](#) đối với anh [Thái Út V](#) về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc anh [Thái Út V](#) phải có nghĩa vụ thanh toán cho [Ngân hàng Thương mại Cổ phần S](#) số tiền gốc, lãi tính đến ngày 23/4/2025 là 25.314.324 đồng (trong đó vốn gốc là 18.100.000 đồng, nợ lãi 7.241.324 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 24/4/2025 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 29/3/2021 mà các bên đã ký kết cho đến khi anh [T1](#) Út Vàng trả xong nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh [Thái Út V](#) phải chịu số tiền 1.266.000 đồng. [Ngân hàng Thương mại Cổ phần S](#) đã nộp số tiền 520.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003078 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được hoàn lại.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

5. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hồng Đào

